

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/ HNGĐ-ST

Ngày 22 tháng 7 năm 2020

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU- TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Bá Diễn

+ *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Huỳnh Bình và ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 178/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Thanh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Hà Tuấn K, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: Ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T có mặt, anh K xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là chị Võ Thị Thanh T trình bày:**

Chị và anh Hà Tuấn K tự nguyện kết hôn và đã được UBND phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2009 (số 45; quyền số 01/2009). Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Trong thời gian sống chung, do bất đồng

trong quan điểm sống, quan điểm về cách dạy con nên giữa chị và anh K có lời qua, tiếng lại (cãi nhau), anh K thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về nhà chửi bới vợ con, làm cho cuộc sống chung không có hạnh phúc. Mặc dù vợ chồng tìm Nều biện pháp hàn gắn mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Từ tháng 6 năm 2018 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Đồng thời, sự tin tưởng, tình yêu thương của chị dành cho anh K không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Tuệ N, sinh ngày 07/10/2011, do hiện nay chị đang là người trực tiếp chăm sóc cháu N và cháu N có nguyện vọng muốn sống với chị. Chị không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Chị T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** *Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Hà Tuấn K có đơn xin vắng mặt nhưng trong quá trình tiến hành tố tụng anh K đã trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân giữa anh và chị Võ Thị Thanh T như chị T trình bày là đúng. Anh thừa nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường hay cãi nhau và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tuy Nền tình cảm của anh dành cho chị T còn và thương con nên anh không đồng ý ly hôn với chị T. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh cũng đồng ý giao cho chị T nuôi dưỡng con chung là Hà Tuệ N, sinh ngày 07/10/2011 và tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con. Anh và chị T không có nợ chung; Tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết.

*** *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phát biểu ý kiến:***

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Yêu cầu khởi kiện của chị T về việc xin ly hôn với anh K là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị T và anh K đã thống nhất thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hà Tuệ N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung các

đương sự điều khai không có và không đương sự nào yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên không phải đặt ra giải quyết. Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Võ Thị Thanh T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai giải quyết ly hôn của chị với anh Hà Tuấn K và yêu cầu về nuôi con chung vì vậy quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Hà Tuấn K có nơi cư trú tại ấp 2, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa nhưng anh K có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Chị Võ Thị Thanh T và anh Hà Tuấn K tự nguyện yêu thương chung sống và được phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/10/2009 theo đúng quy định tại Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân giữa chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp.

2.2. Xét yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Thanh T thì thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần với mục đích để chị T trở về đoàn tụ nhưng chị T vẫn kiên quyết ly hôn. Bên cạnh đó, anh K cũng thừa nhận trong cuộc sống chung, vợ chồng bất đồng về nhiều mặt, thường xuyên cãi nhau và anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay, không còn sự quan tâm, sẻ chia lẫn nhau. Như vậy mục đích của hôn nhân giữa anh K và chị T là sự gắn kết bằng tình yêu thương, tôn trọng, sự tin tưởng nhau không đạt được. Anh K tuy không đồng ý ly hôn nhưng bản thân anh cũng không tìm được giải pháp hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của chị T, anh K đã trầm

trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh K.

2.3. Về con chung: Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Hà Tuệ N, sinh ngày 07/10/2011, do chị hiện nay đang là người trực tiếp chăm sóc cháu N và cháu N có nguyện vọng sống với chị T đồng thời anh K cũng đồng ý giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng và tạm thời anh K không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Chị T, anh K không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Do vậy Hội đồng xét xử không giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

2.5. Về nợ chung: Chị T, anh K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.6. Về án phí và xử lý tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng và được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12, ngày 27/02/2009 của UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Võ Thị Thanh T.

Chị Võ Thị Thanh T được ly hôn với anh Hà Tuấn K.

2. Về con chung: Giao cháu Hà Tuệ N, sinh ngày 07/10/2011 cho chị Võ Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Tạm thời chị Võ Thị Thanh T không yêu cầu anh Hà Tuấn K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu N.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung của anh K.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, hoặc cơ quan, tổ chức được quy định tại Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nợ chung và tài sản chung: các đương sự đều khai không có nợ chung, không yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 0003909 ngày 04/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Như vậy chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Chị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND. huyện Vĩnh Cửu;
- Thi hành án DS h.Vĩnh Cửu;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã T; huyện V;
- UBND phường N, thị xã G, tỉnh Đắk Nông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Diễn